TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ -THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST
Ngày: 08- 10-2019.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Kiều Thị Ninh**
Ông **Nguyễn Xuân Chức**

***- Thư ký phiên toà*:** Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2019/TLST- KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Quỹ tín dụng T**
Địa chỉ: Xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết H – Chủ tịch HĐQT. (Có mặt)
Bị đơn: Bà **Phùng Thị L**, sinh năm 1943 (Vắng mặt)
Anh **Phạm Minh Q**, sinh năm 1961 (Có mặt)
Địa chỉ: Đều ở Cụm 12, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội;
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị **Nguyễn Thị Th,** sinh năm 1960 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Cụm 12, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn thì nội dung vụ án như sau: Quỹ tín dụng T cùng bà Phùng Thị L, anh Phạm Minh Q ký hợp đồng tín dụng số 488/HĐTD ngày 25/12/2012 (thể loại cho vay: Ngắn hạn). Theo đó, bà L, anh Q vay vốn của Quỹ với tổng số tiền là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*. Cụ thể như sau:

- Mục đích sử dụng tiền vay: Sản xuất gạch + làm vườn cây cảnh.

- Thời hạn vay 11 tháng (kể từ 25/12/2012 đến ngày 25/11/2013)

- Kê hoạch phát tiền vay: 01 lần

- Lãi suất cho vay trong hạn: 1,4%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, phương thức trả tiền lãi vay: Hàng tháng.

- Lãi suất nợ quá hạn: 2,1%/tháng

- Mức phạt chậm trả đối với nợ lãi tiền vay: 5% số nợ lãi tiền vay chậm trả.

- Kỳ hạn trả nợ: Trả gốc 01 lần vào cuối kỳ, mức trả: 500.000.000đ.

Bên vay bảo đảm tiền vay bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà L tại Cụm 12, xã T, huyện P, TP Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 566468, số vào sổ H00829 (Hợp đồng thế chấp số 598 ngày 25/12/2012)

Bên vay đã được giải ngân số tiền vay là 415.000.000đ *(Bốn trăm mười lăm triệu đồng)*.

Cùng ngày 25/12/2012, anh Phạm Minh Q và vợ là chị Nguyễn Thị Th đã ký Giấy bảo lãnh tiền vay xin bảo lãnh số tiền do bà Phùng Thị L vay tại Quỹ tín dụng T theo hợp đồng tín dụng số 488 ngày 25/12/2012, nếu bà Phùng Thị L không trả được nợ thì anh Q, chị Th cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay và dùng toàn bộ tài sản là nhà ở + công trình phụ, quyền sử dụng ở lâu dài 370m^2 nằm trên thửa đất số 184, 182, 162 thuộc tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U035111, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01247 QSDĐ/214/QĐ.H do UBND huyện P cấp ngày 16/4/2003 để đảm bảo thực hiện cam kết trả nợ.

Trong quá trình vay vốn tại Quỹ, bà L, anh Q đã vi phạm các thỏa thuận giữa hai bên, không thực hiện trả lãi hàng tháng. Ngày 09/5/2013 mới trả được 7.000.000đ tiền lãi. Hết hạn vay theo hợp đồng, bên vay không trả được gốc và lãi theo thỏa thuận. Quỹ đã gia hạn cho bên vay đến ngày 31/3/2014. Ngày 17/3/2014, bên vay trả thêm được 18.300.000đ tiền lãi. Do đó, từ ngày 31/3/2014, Quỹ đã chuyển toàn bộ khoản vay của bà L, anh Q sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tính đến thời điểm ngày 08/10/2019, bên vay đã trả được 80.000.000đ tiền gốc và 25.300.000đ tiền lãi.

Tạm tính đến ngày 08/10/2019, bà L, anh Q còn nợ Quỹ tổng số tiền là 960.341.100 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm đồng*), trong đó:

Nợ gốc: 335.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 39.578.300đ

Nợ lãi quá hạn: 585.762.800đ

Tổng lãi: 625.341.100đ

Quỹ tín dụng T khởi kiện bà L, anh Q, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết

các vấn đề sau:

1. Buộc bà Phùng Thị L và anh Phạm Minh Q phải thanh toán cho Quỹ toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 08/10/2019 là 960.341.100 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm đồng*), trong đó:

Nợ gốc: 335.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 39.578.300đ

Nợ lãi quá hạn: 585.762.800đ

Tổng lãi: 625.341.100đ

2. Buộc bà Phùng Thị L và anh Phạm Minh Q phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định hợp đồng tín dụng đã ký kết với Quỹ kể từ ngày 09/10/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Quỹ.

Quỹ tín dụng T không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, không đề nghị xem xét nghĩa vụ bảo lãnh theo Giấy bảo lãnh mà anh Q, chị Th đã ký và không yêu cầu tính tiền phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Q khai:

Ngày 25/12/2012, anh và mẹ anh là bà Phùng Thị L đã ký Hợp đồng tín dụng số 488/HĐTD vay tiền của Quỹ tín dụng T với số tiền vay là 415.000.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu đồng) và đã ký giấy nhận nợ với Quỹ tín dụng T. Mục đích vay để sản xuất gạch và làm vườn, cây cảnh để kinh doanh, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày 25/12/2012 đến 25/11/2013, lãi suất cho vay là 1,4%/tháng; lãi suất nợ quá hạn là 2,1%/ tháng.

Thực tế thì khi đó, bà L đã lớn tuổi nhưng bà đứng ra ký hợp đồng vay vốn cho các con làm ăn, thực tế thì anh là người sử dụng vốn vay nói trên và anh nhận trách nhiệm trả món nợ này. Còn mẹ anh hiện nay đã già yếu, không đi lại được nên anh thay mặt mẹ anh để giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan đến trách nhiệm của mẹ con anh trong vụ án này.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, mẹ con anh đã thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất cùng các tài sản trên đất và các quyền lợi, phát sinh từ thửa đất số 150, tờ bản đồ số 01, diện tích 1136m^2, tại xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bố mẹ anh là ông Phạm Viết V và bà Phùng Thị L (Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nhầm tên của bố anh thành Phan Viết N), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 566468, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H00829, do UBND huyện P, Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/4/2008, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 598/HĐTC ngày 25/12/2012 giữa bà Phùng Thị L và anh với Quỹ tín dụng T.

Sau khi vay tiền, anh sử dụng vốn đúng mục đích, đã trả được 40.000.000đ tiền gốc và tiền lãi được khoảng 25.300.000đ, anh không nhớ là số tiền đó trả lãi được đến thời điểm nào.

Sau này, do anh làm ăn thua lỗ, Nhà nước cấm sản xuất theo lò gạch thủ công, anh gặp nhiều khó khăn nên chưa trả được nợ cho Quỹ tín dụng theo thỏa thuận. Quỹ tín dụng cũng nhắc nợ nhiều lần nhưng anh vẫn xin khất.

Nay Quỹ tín dụng T khởi kiện đòi nợ mẹ con anh, quan điểm của anh là:

Anh xác nhận còn nợ Quỹ tín dụng T số tiền gốc là 375.000.000đ, tiền nợ lãi tạm tính đến 13/5/2019 là 589.067.800đ. Anh xác định anh nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ thay cho bà Phùng Thị L cho Quỹ tín dụng T. Nhưng do điều kiện kinh tế rất khó khăn, vợ anh bị tai nạn không đi lại được đã 01 năm nay, anh không có khả năng thanh toán ngay nên anh xin được khất và trả dần và đề nghị Quỹ tín dụng T xem xét miễn giảm lãi.

Đối với Giấy bảo lãnh tiền vay mà vợ chồng anh ký thì theo anh đó là giấy bảo lãnh cho khoản vay 500.000.000đ, không phải khoản vay này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà L, chị Th đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền.

Về nội dung giải quyết vụ án: Việc Quỹ tín dụng T khởi kiện đòi nợ đối với bà Phùng Thị L và anh Phạm Minh Q là có căn cứ. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 688, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Phùng Thị L và anh Phạm Minh Q.

Buộc bà Phùng Thị L và anh Phạm Minh Q phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Quỹ tín dụng T số tiền tạm tính đến ngày 08/10/2019 là 960.341.100 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm đồng*), trong đó:

Nợ gốc: 335.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 39.578.300đ

Nợ lãi quá hạn: 585.762.800đ

Tổng lãi: 625.341.100đ

Bà L, anh Q phải tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

đối với số tiền gốc chưa trả kể từ ngày 09/10/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

Về án phí: Bà Phùng Thị L được miễn án phí, anh Phạm Minh Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Quỹ tín dụng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là bà Phùng Thị L và anh Phạm Minh Q có địa chỉ nơi cư trú là Cụm 12, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội. Quỹ tín dụng T khởi kiện đòi nợ theo hợp đồng tín dụng đối với bà Phùng Thị L và anh Phạm Minh Q. Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bà Phùng Thị L và chị Nguyễn Thị Th nhưng những người này vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, HĐXX vẫn xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng T:

2.1. Xét hợp đồng tín dụng:

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 488/HĐTD ngày 25/12/2012 thì bà Phùng Thị L, anh Phạm Minh Q đã vay vốn của Quỹ số tiền là 415.000.000đ *(Bốn trăm mười lăm triệu đồng)*; Mục đích vay để sản xuất gạch và làm vườn cây cảnh; Thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất vay trong hạn 1,4%/tháng, lãi suất quá hạn 2,1%/tháng, tiền phạt chậm trả lãi: 5% số tiền lãi vay chậm trả.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L, anh Q đã trả được 80.000.000đ tiền gốc và 25.300.000đ tiền lãi. Từ ngày 26/11/2013, bên vay đã vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ. Quỹ đã gia hạn cho bên vay đến ngày 31/3/2014 nhưng bên vay không trả được nợ nên từ ngày 31/3/2014, Quỹ đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/10/2019, bà L, anh Q còn nợ Quỹ tổng số tiền 960.341.100 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm đồng*), trong đó:

Nợ gốc: 335.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 39.578.300đ

Nợ lãi quá hạn: 585.762.800đ

Tổng lãi: 625.341.100đ

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Quỹ tín dụng T với bà Phùng Thị L và anh Phạm Minh Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực đối với các bên.

Về lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là lãi suất ngắn hạn cố định 1,4%/tháng, mức lãi suất này phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm cho vay.

Về lãi suất quá hạn, các bên thỏa thuận bằng 150% lãi suất trong hạn, phù hợp với quy định của pháp luật. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Quỹ khởi kiện, buộc bà L, anh Q phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Quỹ tính đến ngày 08/10/2019, bà L, anh Q còn nợ Quỹ tổng số tiền 960.341.100 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm đồng*), trong đó: Nợ gốc: 335.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 39.578.300 đồng; Nợ lãi quá hạn: 585.762.800 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về tiền phạt chậm trả lãi, tuy trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận nội dung này nhưng bên nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2. 2. Về Giấy bảo lãnh và Hợp đồng thế chấp: Do nguyên đơn không có yêu cầu gì về vấn đề này nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phùng Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí, anh Phạm Minh Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại Quỹ tín dụng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 688, khoản 1 Điều 275, 280, 463, 466, 476 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 1, Điều 2 Luật Thương mại, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng T:

Buộc bà Phùng Thị L và anh Phạm Minh Q phải có trách nhiệm liên đới trả Quỹ tín dụng T số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số: 488/HĐTD ngày 25/12/2012, số tiền tạm tính đến ngày 08/10/2019 là :

Nợ gốc: 335.000.000 đồng *(Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng)*

Nợ lãi trong hạn: 39.578.300 đồng *(Ba mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm đồng)*

Nợ lãi quá hạn: 585.762.800 đồng *(Năm trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm đồng)*

Tổng cộng: 960.341.100 đồng (*Chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm đồng*)

Bà Phùng Thị L và anh Phạm Minh Q phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc kể từ ngày 09/10/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Bà Phùng Thị L được miễn án phí. Anh Phạm Minh Q phải chịu 20.405.000đ *(Hai mươi triệu, bốn trăm linh năm nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Quỹ tín dụng T số tiền 20.400.000đ (*Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005663 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội.

Áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Quỹ tín dụng T, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Minh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**